TÒA ÁN NHÂN DÂN **TỈNH BÌNH PHƯỚC**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 100/2019/DS-PT
Ngày: 16 – 9 – 2019
V/v "Tranh chấp hợp đồng vay tài sản và hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH BÌNH PHƯỚC

Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Văn Thư

Các thẩm phán: Ông Vũ Hoàng Linh

Bà Đinh Thị Quý Chi

Thư ký phiên tòa: Ông Nguyễn Hữu Nam – Thư ký Tòa án của Tòa án nhân dân tỉnh Bình Phước.

Kiểm sát viên Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Bình Phước tham gia phiên tòa: Bà Đàm Thị Vang.

Ngày 16 tháng 9 năm 2019, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Bình Phước xét xử phúc thẩm công khai vụ án dân sự phúc thẩm thụ lý số: 84/2019/TLPT- DS ngày 03 tháng 7 năm 2019 về việc "Tranh chấp hợp đồng vay tài sản và hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất". Do Bản án Dân sự sơ thẩm số 10/2019/DS-ST ngày 26/4/2019 của Tòa án nhân dân huyện L, tỉnh Bình Phước bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 110/2019/QĐPT-DS ngày 06 tháng 8 năm 2019, giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Bà Bùi Thị N, sinh năm 1973 (có mặt)
Địa chỉ: ấp A, xã L, huyện L, tỉnh Bình Phước
Bị đơn: Bà Vũ Thị H, sinh năm 1964 (có mặt)
Địa chỉ: ấp V, xã L, huyện L, tỉnh Bình Phước
Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:
- Bà Võ Thị N1, sinh năm 1949 (có đơn xin vắng mặt)
Địa chỉ: ấp V, xã L, huyện L, tỉnh Bình Phước

- Bà Bùi Thị K, sinh năm 1971 (vắng mặt có đơn xin vắng mặt)

Địa chỉ: ấp T, xã L, huyện L, tỉnh Bình Phước

- Ông Nguyễn Văn H, sinh năm 1963 (có đơn xin vắng mặt)

Địa chỉ: ấp V, xã L, huyện L, tỉnh Bình Phước

- Anh Nguyễn Văn Minh Đ, sinh năm 1988 (có đơn xin vắng mặt)

Địa chỉ: ấp V, xã L, huyện L, tỉnh Bình Phước

- Chị Nguyễn Thị Bích C, sinh năm 1993 (có đơn xin vắng mặt)

Địa chỉ: ấp V, xã L, huyện L, tỉnh Bình Phước

Người kháng cáo: Bị đơn bà Vũ Thị H.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Căn cứ đơn khởi kiện đề ngày 08 tháng 01 năm 2018, quá trình giải quyết vụ án nguyên đơn bà Bùi Thị N trình bày:

Vào ngày 08/10/2017, bà Bùi Thị N có cho bà Vũ Thị H vay số tiền 66.000.000 đồng (sáu mươi sáu triệu đồng). Để bảo đảm việc vay mượn hai bên có làm hợp đồng mua bán đất ngày 08/10/2018 để làm tin. Theo hợp đồng mua bán đất có ghi bà H bán cho bà N thửa đất số 418 tờ bản đồ số 13 tọa lạc tại ấp Việt Quang (nay là ấp Việt Tân), xã Lộc Quang, huyện L, tỉnh Bình Phước được Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Bình Phước cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số CS 00183 ngày 05/5/2017 với giá 200.000.000 đồng, bà N giao tiền đợt 1 vào ngày 08/10/2017 là 66.000.000 đồng. Tuy nhiên đây là hợp đồng giả tạo, chỉ viết để làm tin. Thực tế giữa bà H với bà N không có quan hệ chuyển nhượng quyền sử dụng đất mà chỉ có quan hệ vay tiền, bà H vay của bà N 66.000.000 đồng. Khi vay bà H có thỏa thuận lãi suất là 4%/tháng. Từ khi vay đến nay bà H không trả tiền gốc và tiền lãi cho bà N. Bà N có đơn khởi kiện yêu cầu bà H trả cho bà N số tiền gốc đã vay là 66.000.000 đồng và tiền lãi tính từ ngày vay đến ngày Tòa án giải quyết xong vụ án theo mức lãi suất là 20%/năm.

Đồng thời bà N yêu cầu hủy hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất ngày 08/10/2017 giữa và Vũ Thị H với bà Bùi Thị N đối với thửa đất số 418 tờ bản đồ số 13 tọa lạc tại ấp Việt Quang (nay là ấp Việt Tân), xã Lộc Quang, huyện L, tỉnh Bình Phước được Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Bình Phước cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số CS 00183 ngày 05/5/2017.

Quá trình giải quyết vụ án bị đơn – bà Vũ Thị H trình bày:

Vào tháng 5/2017, thông qua sự giới thiệu của bà Bùi Thị K, bà H có vay của bà N số tiền 200.000.000 đồng (Hai trăm triệu đồng) để đáo hạn ngân hàng. Sau khi đáo hạn ngân hàng, bà H đã trả cho bà N số tiền 180.000.000 đồng, còn nợ lại số

tiền gốc là 20.000.000 đồng, bà N cộng tiền gốc và tiền lãi thành 51.000.000 đồng. Do bà H không thân thiết với bà N nên bà N yêu cầu bà H chuyển số nợ này sang cho bà K, giữa bà H, bà N và bà K đã làm giấy giao nợ. Theo đó bà H đã nhận nợ bà K số tiền 51.000.000 đồng, bà K có trách nhiệm trả nợ cho bà N còn bà H không nợ tiền bà N nữa. Do bà K nợ bà Võ Thị N1 (chị dâu của bà H) 50.000.000 đồng nên bà H đã nhận trả nợ cho bà N1 thay bà K, giữa bà H và bà K có viết giấy giao nợ. Bà H đã trả cho bà N1 số tiền 50.000.000 đồng, giữa bà H với bà K đã thống nhất là bà H không còn nợ bà K nữa.

Về hợp đồng mua bán đất viết ngày 08/10/2017, bà H cho rằng bà H không thỏa thuận mua bán đất với bà N và không biết về hợp đồng mua bán đất. Vào khoảng tháng 10/2017, bà N gặp bà H tại quán nước ở thị trấn Lộc Ninh, bà N yêu cầu bà H làm giấy nhận nợ số tiền 51.000.000 đồng. Bà H có nói với bà N là bà H đã nhận nợ với bà K rồi nên không nhận nợ với bà N nữa nhưng bà N nói bà K đã bỏ trốn nên bà N tiếp tục yêu cầu bà H nhận nợ với bà N. Bà H không đồng ý nhưng bà N làm ầm ĩ đòi đánh bà H nên bà H đồng ý tạm viết giấy nhận nợ với bà N, đến khi bà K về thì để bà K trả nợ cho bà N. Bà N đã đưa cho bà H một tờ giấy A4 và nói bà H viết vào mặt sau của tờ giấy với nội dung là "Đã nhận đủ 66.000.000 đồng (sáu mươi sáu triệu đồng chẵn)" và bà H đã ký tên vào giấy. Nội dung tờ giấy bà N đưa cho bà H viết là gì thì bà H không biết. Bà H thừa nhận chữ ký, chữ viết trong hợp đồng là chữ ký của bà H, tuy nhiên bà H chỉ viết như vậy để chờ bà K về giải quyết chứ bà H không nhận tiền của bà N và cũng không bán đất cho bà N. Hợp đồng mua bán đất là giả tạo. Nay bà N khởi kiện yêu cầu bà H trả số tiền 66.000.000 đồng và tiền lãi thì bà H không đồng ý.

Đối với yêu cầu hủy hợp đồng mua bán đất ngày 08/10/2017, bà H cho rằng hợp đồng này là giả tạo. Bà N yêu cầu hủy thì bà H không có ý kiến gì, đề nghị Tòa án xem xét giải quyết theo quy định của pháp luật.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Bùi Thị K trình bày:

Vào khoảng tháng 5/2017, bà H có nhờ bà K hỏi bà N vay số tiền 200.000.000 đồng để đáo hạn ngân hàng. Sau khi bà H đáo hạn ngân hàng thì có trả cho bà N số tiền 180.000.000 đồng, còn thiếu lại 20.000.000 đồng và tiền lãi thì bà H không trả được cho bà N. Lãi suất vay là 3.000đ/triệu/ngày. Do bà H không quen biết với bà N nên bà N yêu cầu bà K nhận nợ với bà N. Do bà K nợ bà N1 (chị dâu của bà H) số tiền 50.000.000 đồng nên bà H, bà N1 vàbà K thỏa thuận cấn trừ nợ, bà H trả nợ cho bà N1 thay bà K và bà K nhận nợ với bà N số tiền 51.000.000 đồng thay cho bà H. Khi thỏa thuận cấn trừ nợ thì các bên có viết giấy, hiện do bà H đang giữ. Bà K vẫn chưa trả nợ cho bà H. Bà K không biết bà H có làm hợp đồng mua

bán đất với bà N hay không.Trong vụ án trên bà K cũng không có yêu cầu gì và xin vắng mặt khi giải quyết, xét xử vụ án.

Quá trình giải quyết vụ án, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Võ Thị N1 trình bày:

Bà N1 là chị dâu của bà H. Bà N1 chỉ nghe bà H và bà K kể lại sự việc: Bà H có vay của bà N số tiền 200.000.000 đồng để đáo hạn ngân hàng. Sau khi bà H đáo hạn ngân hàng thì có trả cho bà N số tiền 180.000.000 đồng, còn thiếu lại 20.000.000 đồng và tiền lãi thì bà H không trả được cho bà N. Do bà H không quen biết với bà N nên bà N yêu cầu bà K nhận nợ với bà N thay bà H. Cùng lúc đó, bà K có vay của bà N1 số tiền 50.000.000 đồng nên bà H, bà N1 và bà K thỏa thuận cấn trừ nợ, bà H trả nợ cho bà N1 thay bà K và bà K nhận nợ với bà N số tiền 51.000.000 đồng thay cho bà H. Bà H đã trả hết nợ cho bà N1. Khi thỏa thuận cấn trừ nợ thì các bên có viết giấy, hiện do bà H đang giữ. Bà K vẫn chưa trả nợ cho bà H. Ngoài ra bà N1 không biết bà H có vay tiền của bà N thêm lần nào khác hay không và cũng không biết bà H có làm hợp đồng mua bán đất với bà N hay không.Trong vụ án trên bà N1không có yêu cầu gì và xin vắng mặt khi giải quyết, xét xử vụ án.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan – ông Nguyễn Văn H, anh Nguyễn Văn Minh Đ và chị Nguyễn Thị Bích C đã được Tòa án triệu tập nhiều lần nhưng ông H, anh Đ và chị C không đến nên Tòa án xét xử vắng mặt.

Tại Bản án dân sự sơ thẩm số 10/2019/DS-ST ngày 26/4/2019 của Tòa án nhân dân huyện L đã quyết định:

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Bùi Thị N.

- Buộc bà Vũ Thị H có nghĩa vụ trả cho bà Bùi Thị N số tiền 66.000.000đ *(sáu mươi sáu triệu đồng)*.

- Hủy hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất ngày 08/10/2017 giữa bà Bùi Thị N và bà Vũ Thị H thửa đất có diện tích 1.635m^2, thuộc thửa đất số 418 tờ bản đồ số 13 tọa lạc tại ấp Việt Quang (nay là ấp Việt Tân), xã Lộc Quang, huyện L, tỉnh Bình Phước được Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Bình Phước cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số CS 00183 ngày 05/5/2017 đứng tên hộ ông Nguyễn Văn H, bà Vũ Thị H.

Ngoài ra bản án sơ thẩm còn quyết định về án phí và các chi phí tố tụng khác, quyền và nghĩa vụ thi hành án, quyền kháng cáo của các đương sự.

Ngày 05/6/2019, bị đơn bà Vũ Thị H kháng cáo một phần Bản án sơ thẩm: Yêu cầu Tòa án sửa bản án dân sự sơ thẩm số 10/2019/DS-ST ngày 26/4/2019 của

Tòa án nhân dân huyện L theo hướng bà H không phải trả cho bà N số tiền 66.000.000 đồng.

Tại phiên tòa phúc thẩm: Bị đơn bà Vũ Thị H vẫn giữ nguyên yêu cầu kháng cáo.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Bình Phước phát biểu: (có bài phát kiểu kèm theo).

Việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán và Hội đồng xét xử: Kể từ ngày thụ lý vụ án và tại phiên tòa Thẩm phán và Hội đồng xét xử tuân thủ đúng các quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

Về nội dung giải quyết vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ khoản 1 Điều 308 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015, giữ nguyên Bản án dân sự sơ thẩm số 10/2019/DS-ST ngày 26/4/2019 của Tòa án nhân dân huyện L, tỉnh Bình Phước.

Về án phí, chi phí tố tụng khác và nghĩa vụ thi hành án, Hội đồng xét xử quyết định theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án và kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử phúc thẩm nhận định:

Tại phiên tòa phúc thẩm bà Vũ Thị H vẫn giữ nguyên yêu cầu kháng cáo đề nghị sửa Bản án sơ thẩm theo hướng không chấp nhận yêu cầu khởi kiện bà Bùi Thị N về việc bà buộc bà H trả cho bà N số tiền gốc 66.000.000 đồng.

Xét yêu cầu kháng cáo của bà Vũ Thị H thấy rằng:

Giữa bà N và bà H không có giấy tờ gì thể hiện việc vay tiền mà chỉ có Hợp đồng mua bán đất ngày 08/10/2017, hợp đồng thể hiện nội dung bà H chuyển nhượng cho bà N thửa đất số 418 tờ bản đồ số 13 tọa lạc tại ấp Việt Quang (nay là ấp Việt Tân), xã Lộc Quang, huyện L, tỉnh Bình Phước được Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Bình Phước cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số CS 00183 ngày 05/5/2017 với giá 200.000.000đ (Hai trăm triệu đồng), bà N giao tiền đợt 1 vào ngày 08/10/2017 là 66.000.000đ (Sáu mươi sáu triệu đồng). Ở phần ký "bên bán" trong hợp đồng có dòng chữ ghi "đã nhận đủ 66.000.000đ (sáu mươi sáu triệu đồng chẵn)" và có chữ ký của bà H.

Bà N cho rằng Hợp đồng mua bán đất chỉ là để làm tin việc bà H vay bà số tiền 66.000.000 đồng chứ hai bên không có mua bán đất.

Bà H thừa nhận dòng chữ viết ghi "đã nhận đủ 66.000.000 đồng (sáu mươi sáu triệu đồng chẵn" và chữ ký trong Hợp đồng mua bán đất ngày 08/10/2017 đúng là

chữ viết, chữ ký của bà H giữa bà và bà N không có mua bán đất gì. Bà H lý giải về việc ký và ghi dòng chữ trên như sau: Bà không vay của bà N số tiền 66.000.000 đồng mà bà H chỉ vay của bà N số tiền 200.000.000đ (Hai trăm triệu đồng) để đáo hạn Ngân hàng, sau khi đáo hạn bà đã trả cho bà N số tiền 180.000.000đ (Một trăm tám mươi triệu đồng) và chỉ nợ lại số tiền gốc là 20.000.000đ (Hai mươi triệu đồng) và tiền lãi. Bà N tính tiền gốc và tiền lãi, tổng cộng bà H còn nợ bà N số tiền 51.000.000đ (Năm mươi mốt triệu đồng) và số tiền nợ lại này bà H đã thỏa thuận để bà K trả nợ cho bà N do khi đó bà K có nợ bà Võ Thị N1 (chị dâu của bà H) số tiền 50.000.000 đồng nên bà H đã nhận trả nợ cho bà N1 thay bà K, giữa bà H và bà K có viết giấy giao nợ. Nhưng do bà K bỏ trốn nên bà N ép bà H viết và ký vào hợp đồng nội dung như trên để chờ bà K về giải quyết. Tuy nhiên, bà H không đưa ra được tài liệu chứng cứ nào để chứng minh việc giữa bà N, bà H, bà N1 và bà K thỏa thuận việc chuyển giao số tiền nợ từ bà H qua cho bà K và cũng không có tài liệu chứng cứ nào chứng minh việc bà N ép bà H viết và ký nhận đã nhận đủ 66.000.000 đồng vào phần ký tên của Hợp đồng mua bán. Mặt khác, lời trình bày của bà H cũng không được phía bà N thừa nhận, bà N cho rằng trước đó bà N có cho bà H vay tiền rất nhiều lần những đều đã thanh toán đầy đủ, không có liên quan đến số tiền 66.000.000 đồng và việc bà H ký nhận đủ số tiền 66.000.000 đồng là hoàn toàn tự nguyện bà N không hề ép buộc. Việc bà H cho rằng đã thỏa thuận chuyển khoản nợ qua cho bà K bà N hoàn toàn không biết việc này. Do đó, Tòa án cấp sơ thẩm chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà N buộc bà H phải trả số tiền 66.000.000 đồng là có căn cứ.

Tại phiên tòa phúc thẩm, bà H không đưa ra được tài liệu, chứng cứ khác để chứng minh cho yêu cầu kháng cáo của mình. Do đó, Hội đồng xét xử không có căn cứ để xem xét yêu cầu kháng cáo của bà H.

Tách quan hệ thỏa thuận trả nợ thay giữa bà Vũ Thị H, bà Bùi Thị K, bà Võ Thị N1 ra khởi vụ án. Các quan hệ này sẽ được giải quyết bằng một vụ án dân sự khác khi các đương sự có yêu cầu.

Tuy nhiên, xét đối với yêu cầu tính lãi của nguyên đơn: Tại phiên tòa sơ thẩm nguyên đơn tự nguyện rút yêu cầu tính lãi, đáng lẽ Tòa án cấp sơ thẩm phải đình chỉ giải quyết đối với yêu cầu này của các nguyên đơn mới đúng nhưng trong phần "Quyết định" của bản án sơ thẩm không tuyên đình chỉ đối với yêu cầu trả tiền lãi suất là có thiếu sót, cần sửa bản án sơ thẩm về nội dung này. Do đó, kháng cáo của các bị đơn được chấp nhận một phần.

Quan điểm của đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Bình Phước là có căn cứ, đúng quy định pháp luật được chấp nhận.

Án phí dân sự phúc thẩm: Do kháng cáo được chấp nhận một phần nên bà H không phải chịu án phí.

Các quyết định khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị đã có hiệu lực pháp luật, kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 148 và khoản 2 Điều 308, Điều 309 Bộ luật tố tụng dân sự 2015;

Áp dụng các điều 117, 119, 122, 124, 129, 131, 132, 370, 407, 423, 427, 463, 466, 468, 502 Bộ luật dân sự năm 2015; Điều 167 Luật đất đai năm 2014;

Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy ị nh về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Chấp nhận một phần yêu cầu kháng cáo của bị đơn bà Vũ Thị H.

Sửa một phần Bản án dân sự sơ thẩm số 10/2019/DS-ST ngày 26/4/2019 của Tòa án nhân dân huyện L.

- Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Bùi Thị N.

Buộc bà Vũ Thị H có nghĩa vụ trả cho bà Bùi Thị N số tiền 66.000.000đ *(sáu mươi sáu triệu đồng)*.

- Hủy hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất ngày 08/10/2017 giữa bà Bùi Thị N và bà Vũ Thị H thửa đất có diện tích 1.635m^2, thuộc thửa đất số 418 tờ bản đồ số 13 tọa lạc tại ấp Việt Quang (nay là ấp Việt Tân), xã Lộc Quang, huyện L, tỉnh Bình Phước được Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Bình Phước cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số CS 00183 ngày 05/5/2017 đứng tên hộ ông Nguyễn Văn H, bà Vũ Thị H.

- Đình chỉ xét xử yêu cầu tính lãi suất của nguyên đơn bà Bùi Thị N do đương sự rút yêu cầu.

[3] *Về án phí dân sự sơ thẩm*:

Bà Vũ Thị H chịu 3.600.000 đồng (Ba triệu sáu trăm ngàn đồng) án phí dân sự sơ thẩm.

Bà N không phải chịu tiền án phí dân sự sơ thẩm, Chi cục Thi hành án dân sự huyện L hoàn trả cho bà N số tiền tạm ứng án phí là 1.735.000 đồng (Một triệu bảy trăm ba mươi lăm ngàn đồng) đã nộp theo biên lai thu tiền số 005687 ngày 12/02/2018 và 300.000 đồng (Ba trăm ngàn đồng) đã nộp theo biên lai thu tiền số 0006212 ngày 17/10/2018

[4] *Về án phí dân sự phúc thẩm*: Bà Vũ Thị H không phải chịu án phí dân sự phúc thẩm. Hoàn trả lại cho bà H số tiền tạm ứng án phí 300.000 đồng mà bà H đã nộp theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0000275 ngày 11/6/2019 của Chi cục thi hành án dân sự huyện L.

Kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật (đối với các trường hợp cơ quan thi hành án có quyền chủ động ra quyết định thi hành án) hoặc kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại điều 357, điều 468 Bộ luật Dân sự năm 2015.

Trường hợp quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6,7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

***Nơi nhận*:**
- *VKSND tỉnh Bình Phước;*
- *TAND huyện L;*
- *CCTHA dân sự huyện L;*
- *Các đương sự;*
- *Lưu.*

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Đã ký

Nguyễn Văn Thư